

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2025/DS-PT

Ngày 25 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Tấn D, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố B - D, đặc khu P, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Phan Mạnh D1, sinh năm 1985; địa chỉ: 1 T, khu phố E, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là 1 T, khu phố E, phường R, tỉnh An Giang) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1976; HKTT: khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang); chỗ ở hiện nay: 1 đường N, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh

Kiên Giang (nay là 15/1 đường N, khu phố A, đặc khu P, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H: Bà Lê Minh P, sinh năm 1978; HKTT: Khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang). Chỗ ở hiện nay: tổ G, ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ G, khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Minh H - bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Võ Tấn D - Ông Phạm Mạnh D2 trình bày:***

Do có quan hệ họ hàng nên vào năm 2022, ông Lê Minh H nhiều lần hỏi vay tiền của ông Võ Tấn D để làm ăn kinh doanh và được ông D đồng ý. Ngày 16/12/2022, ông Lê Minh H vay số tiền 13.000.000.000 đồng, ông D nói em trai ông D là ông Võ Tấn S chuyển khoản ngân hàng cho ông H (chuyển từ số tài khoản 16121964 tên chủ tài khoản Võ Tấn S vào số tài khoản 0983866866 tên chủ tài khoản Lê Minh H, cùng hệ thống Ngân hàng TMCP S2 (tên viết tắt S3), theo phiếu uỷ nhiệm chi ngày 16/12/2022.

Đến ngày 25/01/2023, ông H hỏi mượn ông D thêm 1.000.000.000 đồng và ông H ghi biên nhận vay tiền của ông D tổng số tiền là 14.000.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.2%/tháng.

Ngày 25/4/2023, ông H viết lại biên nhận vay của ông D số tiền 14.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.2%/tháng và ông H có gửi cho ông D giữ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 986268, thửa đất số 527, tờ bản đồ số 45, diện tích 127,3m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang để làm tin.

Ngày 25/10/2023, ông H tiếp tục vay của ông D thêm 1.000.000.000 đồng và viết biên nhận nợ ông D tổng số tiền là 15.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.2%/tháng và ông H có gửi cho ông D giữ 03 (ba) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, gồm:

- Giấy chứng nhận QSD đất số BL 177296, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 57, diện tích 129,6m², tọa lạc tại Khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang;

- Giấy chứng nhận QSD đất số DH856183, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 116, diện tích 321m², tọa lạc tại khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang.

- Giấy chứng nhận QSD đất số DB 229192, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 57, diện tích 167,4m², tọa lạc tại khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang.

Kể từ sau khi viết biên nhận nợ 15.000.000.000 đồng, ông D đã nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền gốc và lãi cho ông D nhưng ông H không thanh toán. Đến tháng 3/2024, ông H mới trả cho ông D 150.000.000 đồng tiền lãi và đến tháng 4/2024 ông H trả thêm 150.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng tiền lãi ông H đã trả cho ông D là 300.000.000 đồng.

Nay ông D yêu cầu ông Lê Minh H phải trả cho ông D số tiền gốc và lãi như sau:

- Số tiền gốc là 15.000.000.000 đồng.
- Tiền lãi kể từ ngày 25/10/2023 đến ngày xét xử, tạm tính tiền lãi từ ngày 25/10/2023 đến ngày 25/12/2024 là: 15.000.000.000 đồng x 1.2%/tháng x 14 tháng = 2.520.000.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi 300.000.000 đồng ông H đã trả cho ông D, còn lại số tiền lãi ông H phải trả cho ông D là: 2.220.000.000 đồng.

Như vậy, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh H phải trả cho ông D số tiền gốc và lãi là 17.220.000.000 và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án (quyết định) của Tòa có hiệu lực pháp luật.

**** Trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Minh H - Bà Lê Minh P trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2025 như sau:***

Ông Lê Minh H có vay tiền của ông Võ Tấn D. Số tiền vay ban đầu là 13.000.000.000 đồng, vay vào khoảng năm 2022, khi vay không có làm biên nhận hay hợp đồng vay vì số tiền này được chuyển khoản vào tài khoản của ông H. Thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng, không có thỏa thuận thời gian phải trả nợ gốc. Vì số tiền 13.000.000.000 đồng này được chuyển khoản thông qua ngân hàng, do ông D hay ai khác chuyển khoản thay ông D thì bà không nhớ nhưng ông H có nhận số tiền này.

Sau đó ngày 25/4/2023, ông H có vay thêm 1.000.000.000 đồng nên ông H tự viết biên nhận vay số tiền 14.000.000.000 đồng (Gồm 13.000.000.000 đồng vay năm 2022 và 1.000.000.000 đồng mới vay thêm). Đến ngày 25/10/2023 thì bà (P) viết Biên nhận, anh H ký tên với nội dung ông H vay của vợ chồng ông D số tiền 15.000.000.000 đồng nhưng thực tế là do cộng tiền lãi của khoản nợ 14.000.000.000 đồng là 1.000.000.000 đồng nên mới thành 15.000.000.000 đồng.

Ngày 25/4/2023 khi viết Biên nhận vay số tiền 14.000.000.000 đồng thì ông H có thể cho vợ chồng ông D 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số CĐ 986268, diện tích 127,3m². Ngày 25/10/2023 khi viết Biên nhận vay số tiền 15.000.000.000 đồng thì anh H có thể cho ông D 03 giấy chứng nhận QSDĐ gồm: BL 177296, diện tích 129,6m², DH 856183, diện tích 321m² và DB 229192, diện tích 167,4m².

Bà có thay ông H trả tiền lãi cho ông D 02 lần tổng cộng là 300.000.000 đồng (150.000.000 đồng/lần), bà đưa tiền mặt trực tiếp cho ông D. Với yêu cầu khởi kiện của ông D thì ông H đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông D nhưng xin thời hạn 01 năm sẽ trả dứt nợ.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu Vực 2, tỉnh An Giang) đã tuyên xử:*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn D đối với ông Lê Minh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Lê Minh H trả cho ông Võ Tấn D nợ gốc nợ gốc 15.000.000.000 đồng và tiền lãi 3.132.000.000 đồng, tổng cộng là 18.132.000.000 đồng (Mười tám tỷ, một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Khi ông Lê Minh H trả xong tiền nợ gốc và tiền lãi thì ông Võ Tấn D trả lại cho ông H các giấy chứng nhận QSDĐ sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 986268, thửa đất số 527, tờ bản đồ số 45, diện tích 127,3m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Giấy chứng nhận QSD đất số BL 177296, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 57, diện tích 129,6m², tọa lạc tại Khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang.

- Giấy chứng nhận QSD đất số DH856183, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 116, diện tích 321m², tọa lạc tại khu phố E, phường D, thành phố P, K.

- Giấy chứng nhận QSD đất số DB 229192, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 57, diện tích 167,4m², tọa lạc tại khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 17/7/2025 bị đơn ông Lê Minh H có đơn kháng cáo đơn ghi ngày 09/6/2025.

Kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh An Giang).

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết như sau:

- Sửa Bản án sơ thẩm 49/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu

vực 2, tỉnh An Giang) theo hướng điều chỉnh lại nợ gốc là 14.000.000.000 đồng và tiền lãi phải trả là 3.903.200.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 17.903.200.000 đồng. Khi ông Lê Minh H trả xong nợ gốc và tiền lãi thì ông Võ Tấn D phải trả lại cho ông H thêm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 986267 đối với thửa đất số 526, tờ bản đồ số 45 diện tích 127m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện của bị đơn bà Lê Minh P xin rút một phần nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Minh H đối với số tiền 1 tỷ đồng tiền gốc. Số tiền gốc và tiền lãi bà thống nhất theo bản án sơ thẩm. Ngoài ra bà P yêu cầu nguyên đơn ông D phải trả cho bị đơn ông H 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó Tòa án sơ thẩm đã tuyên trong quyết định của bản án là ông D phải trả cho ông H 04 GCNQSD đất gồm:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 986268, thửa đất số 527, tờ bản đồ số 45, diện tích 127,3m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang).

2. Giấy chứng nhận QSD đất số BL 177296, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 57, diện tích 129,6m², tọa lạc tại Khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang).

3. Giấy chứng nhận QSD đất số DH856183, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 116, diện tích 321m², tọa lạc tại khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang).

4. Giấy chứng nhận QSD đất số DB 229192, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 57, diện tích 167,4m², tọa lạc tại khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố A, đặc khu P, tỉnh An Giang).

Còn 01 giấy ở Tòa cấp sơ thẩm chưa tuyên trả cho ông H đó là:

Giấy chứng nhận QSD đất số CD 986267, thửa đất số 526, tờ bản đồ số 45, diện tích 127m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang).

- Đại diện của nguyên đơn ông Phan Mạnh D1 thừa nhận là nguyên đơn ông D cho ông H vay tiền, ông H có thể chấp cho ông D tổng cộng là 05 GCNQSD đất như bà P trình bày và ông D1 thống nhất khi bản án có hiệu lực pháp luật ông D sẽ tự nguyện trả lại 05 GCNQSD đất nói trên cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận đề nghị của VKS; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh An Giang). Theo hướng đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc ông H yêu cầu xem xét lại 1.000.000.000 đồng, ghi nhận nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông D sẽ trả lại cho ông H 05 GCNQSDĐ nói trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông H bị đơn về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Tại cấp phúc thẩm đại diện của bị đơn ông Lê Minh H là bà Lê Minh P xin rút một phần nội dung đơn kháng cáo đối với số tiền 1.000.000.000 đồng và thống nhất với bản án sơ thẩm về số tiền gốc và lãi.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc rút đơn kháng cáo của đương sự là tự nguyện nên hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 289 bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung mà đại diện bị đơn đã rút đơn kháng cáo.

[2.2] Xét việc bà P yêu cầu nguyên đơn ông Võ Tấn D phải trả cho bị đơn ông Lê Minh H tổng cộng 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các giấy sau:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 986268, thửa đất số 527, tờ bản đồ số 45, diện tích 127,3m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố cây thông Trong, đặc khu P, tỉnh An Giang).

2. Giấy chứng nhận QSD đất số BL 177296, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 57, diện tích 129,6m², tọa lạc tại khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang).

3. Giấy chứng nhận QSD đất số DH856183, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 116, diện tích 321m², tọa lạc tại khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang).

4. Giấy chứng nhận QSD đất số DB 229192, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 57, diện tích 167,4m², tọa lạc tại khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố A, đặc khu P, tỉnh An Giang).

5. Giấy chứng nhận QSD đất số CĐ 986267, thửa đất số 526, tờ bản đồ số 45, diện tích 127m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp C, đặc khu P, tỉnh An Giang).

- Đại diện của nguyên đơn ông Phan Mạnh D1 thừa nhận là nguyên đơn ông D cho ông H vay tiền, ông H có thể chấp cho ông D tổng cộng là 05 GCNQSD đất như bà P trình bày và ông D1 thống nhất khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Võ Tấn D sẽ tự nguyện trả lại cho ông Lê Minh H 05 GCNQSD đất nói trên.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là khi án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn ông Võ Tấn D có trách nhiệm trả cho bị đơn ông Lê Văn H1 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 986268, thửa đất số 527, tờ bản đồ số 45, diện tích 127,3m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp cây thông Trong, đặc khu P, tỉnh An Giang).

2. Giấy chứng nhận QSD đất số BL 177296, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 57, diện tích 129,6m², tọa lạc tại Khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang).

3. Giấy chứng nhận QSD đất số DH856183, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 116, diện tích 321m², tọa lạc tại khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang).

4. Giấy chứng nhận QSD đất số DB 229192, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 57, diện tích 167,4m², tọa lạc tại khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố A, đặc khu P, tỉnh An Giang).

5. Giấy chứng nhận QSD đất số CĐ 986267, thửa đất số 526, tờ bản đồ số 45, diện tích 127m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp C, Đặc khu P, tỉnh Kiên Giang).

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông H1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh An Giang). Theo hướng đình chỉ một phần xét xử phúc thẩm đối với việc ông H1 yêu cầu xem xét lại 1.000.000.000 đồng, ghi nhận nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, khi bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn ông D sẽ trả lại cho bị đơn ông H1 05 GCNQSD đất nói trên.

[4] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Lê Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho Võ Tấn D gồm nợ gốc 15.000.000.000 đồng và tiền lãi 3.132.000.000 đồng, tổng cộng là 18.132.000.000 đồng = 112.000.000 đồng + (14.132.000.000 đồng x 0,1%) = 126.132.000 đồng.

Ông Võ Tấn D được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Ông D đã có đơn xin miễn án phí.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Ông H kháng cáo được chấp nhận một phần, nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả lại cho ông H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp số tiền là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0012833 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh An Giang).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 289, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ một phần xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Minh H đối với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh An Giang).

Áp dụng Điều 124, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn D đối với ông Lê Minh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bị đơn ông Lê Minh H trả cho nguyên đơn ông Võ Tấn D số tiền nợ gốc là 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng) và tiền lãi là 3.132.000.000 đồng (ba tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng), tổng cộng gốc và lãi là 18.132.000.000 đồng (mười tám tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ghi nhận nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, khi bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn ông Võ Tấn D sẽ tự nguyện trả lại cho bị đơn ông Lê Minh H 05 (năm) GCNQSD đất như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 986268, thửa đất số 527, tờ bản đồ số 45, diện tích 127,3m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang).

- Giấy chứng nhận QSD đất số BL 177296, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 57, diện tích 129,6m², tọa lạc tại khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang).

- Giấy chứng nhận QSD đất số DH856183, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 116, diện tích 321m², tọa lạc tại khu phố E, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang).

- Giấy chứng nhận QSD đất số DB 229192, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 57, diện tích 167,4m², tọa lạc tại khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang (nay là khu phố A, đặc khu P, tỉnh An Giang).

- Giấy chứng nhận QSD đất số CĐ 986267 đối với thửa đất số 526, tờ bản đồ số 45 diện tích 127m², tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp C, đặc khu P, tỉnh An Giang).

Nếu các đương sự không tự nguyện thi hành án thì cơ quan có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Võ Tấn D không phải chịu án phí. Ông D có đơn xin miễn án phí nên không phát sinh việc trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông D.

Bị đơn ông Lê Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 126.132.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Lê Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả lại cho ông Lê Minh H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0012833 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh An Giang) (do Hứa Hoàng S1 nộp thay).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 2, tỉnh An Giang;
- P. THA dân sự khu vực 2, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên